

Số: 12 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 02 tháng 10 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát ngày 27/05/2024 và Văn bản số 3009/2024/CV-TP ngày 30/09/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bao bì Trường Phát” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 233/TTr-TNMT ngày 02 tháng 10 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát, địa chỉ tại Lô 11.13, khu đô thị phía Tây Nam Cường, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất bao bì Trường Phát” tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất bao bì Trường Phát.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0801190151 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 10/10/2016, thay đổi lần thứ nhất ngày 18/06/2020.

Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2880/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương cho dự án Nhà máy sản xuất bao bì Trường Phát.

1.4. Mã số thuế: 0801190151.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất bao bì carton.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 10.763 m<sup>2</sup>.

- Công suất của dự án:

+ Sản xuất bao bì carton 3 lớp: 1.500 tấn/năm.

+ Sản xuất bao bì carton 5 lớp: 2.000 tấn/năm.

+ Sản xuất bao bì carton 7 lớp: 1.500 tấn/năm.

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. **Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.**

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

*Nơi nhận:*

- Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- **UBND xã Tân Trường;**
- Cổng thông tin điện tử huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Công**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên
- + Nguồn số 2: Nước thải từ công đoạn rửa khuôn in
- + Nguồn số 3: Nước thải xả cặn nồi hơi
- + Nguồn số 4: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải
- + Nguồn số 05: Nước thải tẩy cặn nồi hơi
- + Nguồn số 06: Nước thải rửa lưỡi dao quét keo hồ

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: mương thoát nước của khu vực giáp tường rào phía Tây của dự án.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

+ Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

+ Vị trí xả nước thải: Hồ ga xả nước thải vào mương thoát nước của khu vực giáp tường rào phía Tây của dự án.

Tọa độ X (m): 2317181.6; Y (m): 575103.3 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°).

Đối với nước thải nguồn số 05 và 06: được thu gom vào các thùng chứa và thuê đơn vị chức năng xử lý như CTNH.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A,

$C_{max}$  với  $k_q=0,9$ ;  $k_f=1,2$ ) như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT	
			Cột A	$C_{max}$ với $k_q=0,9$ ; $k_f=1,2$ )
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	50
3	pH	-	6-9	6-9
4	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30	32,4
5	COD	mg/l	75	81
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	54
7	Cadimi	mg/l	0,05	0,054
8	Asen	mg/l	0,05	0,054
9	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,0054
10	Chì	mg/l	0,1	0,108
11	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,0756
12	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,108
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	5,4
14	Sunfua	mg/l	0,2	0,216
15	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	5,4
16	Tổng nitơ	mg/l	20	21,6
17	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	4,32
18	Coliform	MPN/100ml	3000	3000

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vệ sinh được dẫn về 02 bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích 10,86 m<sup>3</sup>), nước thải nhà ăn được dẫn về 01 bể tách dầu mỡ (dung tích 8,1 m<sup>3</sup>) sau đó chảy về bể thu gom đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn rửa khuôn in thu gom vào bể phản ứng để xử lý sơ bộ sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 03, 04: Nước thải xả cặn nổi hơi và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom, đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý.

Nước thải sau xử lý được xả ra mương thoát nước của khu vực giáp tường rào phía Tây của dự án tại 01 điểm đầu nổi (Tọa độ điểm xả nước thải: X (m): 2317181.6; Y (m): 575103.3 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°)).

- Nguồn số 05, 06: Nước thải tẩy cặn nồi hơi và nước thải từ quá trình rửa lưới dao quét keo hồ được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; không xả thải trực tiếp **ra ngoài môi trường**.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

### 1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải tập trung:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải mực in → Bể phản ứng → Bể thu gom.

+ Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại ba ngăn, bể tách dầu mỡ → Bể thu gom.

+ Nước xả cặn nồi hơi, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải → Bể thu gom.

Nước thải từ bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bể khử trùng → Hồ ga thoát nước.

Nước thải sau xử lý được xả ra mương thoát nước của khu vực giáp tường rào phía Tây của dự án.

- Công suất thiết kế: 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cơ chất, Javen, NaOH, PAC, Polymer (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải định kỳ.

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải.

- Khi có sự cố xảy ra cần nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời.

- Phương án khắc phục khi có sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Ngừng xả nước thải để khắc phục sự cố.

+ Liên hệ với đơn vị thiết kế để tìm hiểu nguyên nhân sự cố và cách khắc phục.

+ Trong trường hợp có thiết bị, máy móc bị hư hỏng thì phải tiến hành thay thế một cách nhanh chóng để tránh tình trạng toàn bộ hệ thống không đạt hiệu quả và ứ đọng nước thải.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung – Công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Tại đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải, khí thải: không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải:

- **Mẫu nước thải trước xử lý tại bể thu gom trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).**

- **Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).**

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất (ngoại trừ nước thải phát sinh từ nguồn số 05, 06) bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận nước thải. Đối với nước thải phát sinh từ nguồn số 05, 06 phải được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5,6,7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh bảo đảm đáp ứng quy định theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A,  $C_{\max}$  với  $k_q=0,9$ ;  $k_f=1,2$ ).

3.6. Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.



**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Ống khói của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi (Khí thải sau xử lý của nguồn số 01); tọa độ vị trí xả khí thải: **X (m): 2317191.53; Y (m): 575200.30.**

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3°)

- Vị trí xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải trong khuôn viên Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát tại xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:**

Liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo ca làm việc.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K<sub>p</sub> = 1, K<sub>v</sub> = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Cột B	C <sub>max</sub> (K <sub>p</sub> = 1, K <sub>v</sub> = 1,2)		
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	240	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động,
2	Lưu huỳnh đioxit, SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	600		
3	Nitơ oxit, NO <sub>x</sub> (tính	mg/Nm <sup>3</sup>	850	1.020		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Cột B	$C_{max}$ ( $K_p = 1,$ $K_v = 1,2$ )		
	theo NO <sub>2</sub> )				định kỳ	liên tục
4	Carbon oxit, CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1000	1.200		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi đốt than, củi, gỗ nén thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải để xử lý và xả ra môi trường qua ống thải (dòng thải số 01).

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

#### 1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Đường ống dẫn khí → Cyclone lọc bụi 2 cấp → Quạt hút → Tháp xử lý bụi ướt → Bể đập bụi ướt → Ống khói → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước (hoặc các vật liệu khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Người vận hành các công trình xử lý được đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các công trình xử lý, hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, dừng hoạt động sản xuất của dây chuyền, thiết bị gắn với hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố,

đồng thời tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sẽ thông báo cho các cơ quan liên quan để được hướng dẫn giải quyết.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi, công suất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí:

- Trên 01 ống khói thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể:

+ Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất và hiệu quả của hệ thống xử lý khí thải: không lấy mẫu để phân tích.

+ Trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý khí thải: Tiến hành lấy 03 mẫu khí thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp; Tần suất: 1 ngày/lần.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức công trình xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi UBND huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Từ hoạt động từ các hoạt động sản xuất trong xưởng
- Nguồn số 02: khu vực lò hơi
- Nguồn số 03: khu vực hệ thống xử lý nước thải

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tọa độ nguồn số 01: X= 2317153.70; Y= 575168.10.
- Tọa độ nguồn số 02: X= 2317190.52; Y= 575199.80.
- Tọa độ nguồn số 03: X= 2317188.23; Y= 575198.63.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>o</sup>)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Tạo khoảng cách hợp lý giữa các thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn tiếng ồn cho phép.
- Định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong nhà máy.
- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng kỹ thuật; thường xuyên tra dầu bôi trơn.
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở vị trí phát sinh tiếng ồn như nút bịt tai.
- Bố trí thời gian lao động hợp lý cho người lao động nhằm giảm thời gian tiếp xúc với tiếng ồn.
- Kiểm tra sức khỏe định kỳ, đặc biệt là yếu tố thính lực.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

## Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)

## A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

## 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	3
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 03	1.600
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	40
4	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	35
5	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu)	18 02 01	27
6	Hộp mực in, khuôn in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	45
7	Trực in thải có các thành phần nguy hại	-	50
8	Nước thải chứa keo hồ	19 10 01	1.700
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 02 02	550
10	Nước tẩy cặn lò hơi	19 10 01	1.000 (kg/lần)
TỔNG KHỐI LƯỢNG			5.050

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Thành phần	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Tro củi, gỗ nén đốt lò hơi (độ tro 5%)	04 02 06	27,75
2	Giấy vụn	18 01 05	805
3	Nilon, bao bì nhựa	18 01 06	2,5
4	Vỏ hộp kim loại, ghim gãy hỏng	-	3,5
5	Bùn thải hút bể tự hoại, nạo vét cống	12 06 13	1,5
Tổng			840,25

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: **16.200 tấn/năm.**

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

2.1.1. Thiết bị lưu giữ:

Thùng chứa, bao bì chứa.

2.1.2. Kho lưu giữ:

- Diện tích kho: 17,36 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ bảo đảm sàn kín, không bị thấm thấu, có rãnh thu gom và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ kho. Kho được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ, bố trí vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu giữ: thùng chứa, bao bì chứa.

- Diện tích kho: 32,64 m<sup>2</sup> (lưu chứa cùng chất thải sinh hoạt).

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông xi măng chống thấm, kết cấu thép, có tường tôn bao xung quanh, mái lợp tôn che mưa nắng.

**2.3. Thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu giữ: thùng chứa, bao bì chứa.

- Diện tích kho: 32,64 m<sup>2</sup> (lưu chứa cùng chất thải rắn công nghiệp thông thường).

- Thiết kế, cấu tạo: Nền bê tông xi măng chống thấm, kết cấu thép, có tường tôn bao xung quanh, mái lợp tôn che mưa nắng.

**2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự



cô môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty Cổ phần sản xuất bao bì Trường Phát có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Cẩm Giàng)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải, khí thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.